

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ EGO VIỆT NAM
Tiểu khu 3- TT Lương Sơn – huyện Lương Sơn – tỉnh Hòa Bình

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

BAO GỒM:

- Bảng cân đối kế toán
- Kết quả kinh doanh
- Lưu chuyển tiền tệ
- Thuyết minh báo cáo tài chính

Quý 2 năm 2022

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ EGO VIỆT NAM

Địa chỉ: Tiểu Khu 3, TT Lương Sơn, huyện Lương Sơn, tỉnh Hòa Bình

Báo cáo tài chính
Quý II năm 2022 tài chính

Mẫu số: B01-DN

DN - BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2022

Đơn vị tính: VNĐ

| Chỉ tiêu | Mã chỉ tiêu | Thuyết minh | Số cuối kỳ | Số đầu năm |
|---|----------------|----------------|------------------------|-----------------------|
| TÀI SẢN | | | | |
| A- TÀI SẢN NGẮN HẠN | 100 | | 116,395,985,860 | 66,983,809,885 |
| I. Tiền và các khoản tương đương tiền | 110 | | 1,462,432,618 | 377,086,777 |
| 1. Tiền | 111 | | 1,462,432,618 | 377,086,777 |
| 2. Các khoản tương đương tiền | 112 | | - | - |
| II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn | 120 | | - | - |
| 1. Chứng khoán kinh doanh | 121 | | - | - |
| 2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh | 122 | | - | - |
| 3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn | 123 | | - | - |
| III. Các khoản phải thu ngắn hạn | 130 | | 100,642,349,595 | 45,817,402,528 |
| 1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng | 131 | | 85,483,729,111 | 36,498,784,787 |
| 2. Trả trước cho người bán ngắn hạn | 132 | | 629,616,701 | 786,568,958 |
| 3. Phải thu nội bộ ngắn hạn | 133 | | - | - |
| 4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng | 134 | | - | - |
| 5. Phải thu về cho vay ngắn hạn | 135 | | 8,490,000,000 | 8,490,000,000 |
| 6. Phải thu ngắn hạn khác | 136 | | 7,225,507,239 | 1,228,552,239 |
| 7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi | 137 | | (1,186,503,456) | (1,186,503,456) |
| 8. Tài sản Thiếu chờ xử lý | 139 | | - | - |
| IV. Hàng tồn kho | 140 | | 14,259,858,507 | 20,736,437,579 |
| 1. Hàng tồn kho | 141 | | 14,259,858,507 | 20,736,437,579 |
| 2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho | 149 | | - | - |
| V. Tài sản ngắn hạn khác | 150 | | 31,345,140 | 52,883,001 |
| 1. Chi phí trả trước ngắn hạn | 151 | | - | - |
| 2. Thuế GTGT được khấu trừ | 152 | | 31,345,140 | 52,883,001 |
| 3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước | 153 | | - | - |
| 4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ | 154 | | - | - |
| 5. Tài sản ngắn hạn khác | 155 | | - | - |
| B. TÀI SẢN DÀI HẠN | 200 | | 36,033,883,720 | 36,819,950,091 |
| I. Các khoản phải thu dài hạn | 210 | | - | - |
| 1. Phải thu dài hạn của khách hàng | 211 | | - | - |
| 2. Trả trước cho người bán dài hạn | 212 | | - | - |
| 3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc | 213 | | - | - |
| 4. Phải thu nội bộ dài hạn | 214 | | - | - |
| 5. Phải thu về cho vay dài hạn | 215 | | - | - |

| Chỉ tiêu | Mã chỉ tiêu | Thuyết minh | Số cuối kỳ | Số đầu năm |
|---|----------------|----------------|------------------------|------------------------|
| 6. Phải thu dài hạn khác | 216 | | - | - |
| 7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi | 219 | | - | - |
| II. Tài sản cố định | 220 | | 7,001,077,659 | 7,771,644,030 |
| 1. Tài sản cố định hữu hình | 221 | | 7,001,077,659 | 7,771,644,030 |
| - Nguyên giá | 222 | | 23,174,296,151 | 23,174,296,151 |
| - Giá trị hao mòn lũy kế | 223 | | (16,173,218,492) | (15,402,652,121) |
| 2. Tài sản cố định thuê tài chính | 224 | | - | - |
| - Nguyên giá | 225 | | - | - |
| - Giá trị hao mòn lũy kế | 226 | | - | - |
| 3. Tài sản cố định vô hình | 227 | | - | - |
| - Nguyên giá | 228 | | - | - |
| - Giá trị hao mòn lũy kế | 229 | | - | - |
| III. Bất động sản đầu tư | 230 | | - | - |
| - Nguyên giá | 231 | | - | - |
| - Giá trị hao mòn lũy kế | 232 | | - | - |
| IV. Tài sản dở dang dài hạn | 240 | | - | - |
| 1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn | 241 | | - | - |
| 2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang | 242 | | - | - |
| V. Đầu tư tài chính dài hạn | 250 | | 29,000,000,000 | 29,000,000,000 |
| 1. Đầu tư vào công ty con | 251 | | - | - |
| 2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh | 252 | | 29,000,000,000 | 29,000,000,000 |
| 3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác | 253 | | - | - |
| 4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn | 254 | | - | - |
| 5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn | 255 | | - | - |
| VI. Tài sản dài hạn khác | 260 | | 32,806,061 | 48,306,061 |
| 1. Chi phí trả trước dài hạn | 261 | | 32,806,061 | 48,306,061 |
| 2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại | 262 | | - | - |
| 3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn | 263 | | - | - |
| 4. Tài sản dài hạn khác | 268 | | - | - |
| 5. Lợi thế thương mại | 269 | | - | - |
| TỔNG CỘNG TÀI SẢN | 270 | | 152,429,869,580 | 103,803,759,976 |
| NGUỒN VỐN | | | | |
| C. NỢ PHẢI TRẢ | 300 | | 82,359,203,251 | 34,380,606,679 |
| I. Nợ ngắn hạn | 310 | | 82,359,203,251 | 34,380,606,679 |
| 1. Phải trả người bán ngắn hạn | 311 | | 79,794,061,443 | 32,056,164,134 |
| 2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn | 312 | | - | - |
| 3. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước | 313 | | 837,111,917 | 162,062,654 |
| 4. Phải trả người lao động | 314 | | 1,050,000 | - |
| 5. Chi phí phải trả ngắn hạn | 315 | | 115,667,175 | 115,667,175 |
| 6. Phải trả nội bộ ngắn hạn | 316 | | - | - |

| Chỉ tiêu | Mã chỉ tiêu | Thuyết minh | Số cuối kỳ | Số đầu năm |
|---|----------------|----------------|-----------------------|-----------------------|
| 7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng | 317 | | - | |
| 8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn | 318 | | - | 221,200,000 |
| 9. Phải trả ngắn hạn khác | 319 | | 6,455,355 | 655,355 |
| 10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn | 320 | | 1,364,921,000 | 1,584,921,000 |
| 11. Dự phòng phải trả ngắn hạn | 321 | | - | |
| 12. Quỹ khen thưởng phúc lợi | 322 | | 239,936,361 | 239,936,361 |
| 13. Quỹ bình ổn giá | 323 | | - | - |
| 14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ | 324 | | - | - |
| II. Nợ dài hạn | 330 | | - | - |
| 1. Phải trả người bán dài hạn | 331 | | - | - |
| 2. Người mua trả tiền trước dài hạn | 332 | | - | - |
| 3. Chi phí phải trả dài hạn | 333 | | - | - |
| 4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh | 334 | | - | - |
| 5. Phải trả nội bộ dài hạn | 335 | | - | - |
| 6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn | 336 | | - | - |
| 7. Phải trả dài hạn khác | 337 | | - | - |
| 8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn | 338 | | - | - |
| 9. Trái phiếu chuyển đổi | 339 | | - | - |
| 10. Cổ phiếu ưu đãi | 340 | | - | - |
| 11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả | 341 | | - | - |
| 12. Dự phòng phải trả dài hạn | 342 | | - | - |
| 13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ | 343 | | - | - |
| D.VỐN CHỦ SỞ HỮU | 400 | | 70,070,666,329 | 69,423,153,297 |
| I. Vốn chủ sở hữu | 410 | | 70,070,666,329 | 69,423,153,297 |
| 1. Vốn góp của chủ sở hữu | 411 | | 61,350,290,000 | 61,350,290,000 |
| - Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết | 411a | | 61,350,290,000 | 61,350,290,000 |
| - Cổ phiếu ưu đãi | 411b | | - | - |
| 2. Thặng dư vốn cổ phần | 412 | | - | - |
| 3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu | 413 | | - | - |
| 4. Vốn khác của chủ sở hữu | 414 | | - | - |
| 5. Cổ phiếu quỹ | 415 | | - | - |
| 6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản | 416 | | - | - |
| 7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái | 417 | | - | - |
| 8. Quỹ đầu tư phát triển | 418 | | 287,923,633 | 287,923,633 |
| 9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp | 419 | | - | - |
| 10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu | 420 | | - | - |
| 11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối | 421 | | 8,432,452,696 | 7,784,939,664 |
| - LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước | 421a | | 7,784,939,664 | 7,284,554,751 |
| - LNST chưa phân phối kỳ này | 421b | | 647,513,032 | 500,384,913 |
| 12. Nguồn vốn đầu tư XDCB | 422 | | - | - |

| Chỉ tiêu | Mã chỉ tiêu | Thuyết minh | Số cuối kỳ | Số đầu năm |
|---------------------------------------|----------------|----------------|------------------------|------------------------|
| 13. Lợi ích cổ đông không kiểm soát | 429 | | - | - |
| II. Nguồn kinh phí và quỹ khác | 430 | | - | - |
| 1. Nguồn kinh phí | 431 | | - | - |
| 2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ | 432 | | - | - |
| TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN | 440 | | 152,429,869,580 | 103,803,759,976 |

Phụ trách kế toán



Nguyễn Thị Hương

Lập, ngày 08 tháng 08 năm 2022

Tổng giám đốc



Hoàng Quốc Quân

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ EGO VIỆT NAM

Địa chỉ: Tiểu Khu 3, TT Lương Sơn, huyện Lương Sơn, tỉnh Hòa Bình

Báo cáo tài chính

Quý II năm 2022 tài chính

Mẫu số: B 02-DN

DN - BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH - QUÝ II

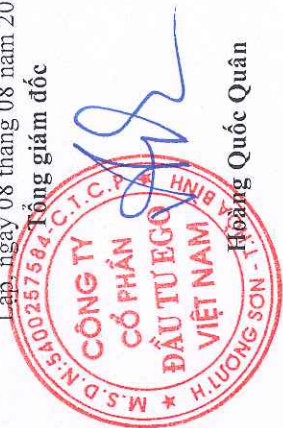
Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022

| Chỉ tiêu | Mã chỉ tiêu | Thuyết minh | Quý này năm nay | Quý này năm trước | Đơn vị tính: VNĐ | |
|---|-------------|-------------|------------------------|------------------------|---|---|
| | | | | | Số lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này (Năm nay) | Số lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này (Năm trước) |
| 1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ | 01 | | 115.457.417.372 | 3.297.138.134 | 133.399.082.832 | 9.852.622.659 |
| 2. Các khoản giảm trừ doanh thu | 02 | | 0 | 0 | 0 | 0 |
| 3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02) | 10 | | 115.457.417.372 | 3.297.138.134 | 133.399.082.832 | 9.852.622.659 |
| 4. Giá vốn hàng bán | 11 | | 114.505.455.461 | 3.483.645.405 | 132.298.162.450 | 10.308.150.953 |
| 5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ(20=10-11) | 20 | | 951.961.911 | (186.507.271) | 1.100.920.382 | (455.528.294) |
| 6. Doanh thu hoạt động tài chính | 21 | | 169.805.071 | 10.469 | 344.519.851 | 16.744 |
| 7. Chi phí tài chính | 22 | | 27.298.420 | 44.695.905 | 58.336.787 | 99.842.934 |
| - Trong đó: Chi phí lãi vay | 23 | | 27.298.420 | 44.695.905 | 58.336.787 | 99.842.934 |
| 8. Phần lãi lỗ trong công ty liên doanh, liên kết | 24 | | - | 0 | 0 | 0 |
| 9. Chi phí bán hàng | 25 | | 0 | 0 | 0 | 0 |
| 10. Chi phí quản lý doanh nghiệp | 26 | | 375.216.990 | 535.359.026 | 577.712.156 | 587.253.954 |
| 11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30=20+(21-22) + 24 - (25+26)} | 30 | | 719.251.572 | (766.551.733) | 809.391.290 | (1.142.608.438) |
| 12. Thu nhập khác | 31 | | 0 | 0 | 0 | 0 |
| 13. Chi phí khác | 32 | | 0 | 152.991.660 | 0 | 76.495.830 |
| 14. Lợi nhuận khác(40=31-32) | 40 | | 0 | (152.991.660) | 0 | (76.495.830) |
| 15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế(50=30+40) | 50 | | 719.251.572 | (919.543.393) | 809.391.290 | (1.219.104.268) |
| 16. Chi phí thuế TNDN hiện hành | 51 | | 143.850.314 | 150.339.495 | 161.878.258 | 150.339.495 |
| 17. Chi phí thuế TNDN hoãn lại | 52 | | 0 | 0 | 0 | 0 |
| 18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp(60=50-51-52) | 60 | | 575.401.258 | (1.069.882.888) | 647.513.032 | (1.369.443.763) |
| 19. Lợi nhuận sau thuế công ty mẹ | 61 | | 0 | 0 | 0 | 0 |

| Chỉ tiêu | Mã chỉ tiêu | Thuyết minh | Quý này năm nay | Quý này năm trước | Số lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này (Năm nay) | Số lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này (Năm trước) |
|---|----------------|----------------|--------------------|----------------------|--|--|
| 20. Lợi nhuận sau thuế công ty mẹ không kiểm soát | 62 | | 0 | 0 | 0 | 0 |
| 21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu(*) | 70 | | 93,79 | (174,39) | 105,54 | (223,22) |
| 22. Lãi suy giảm trên cổ phiếu (*) | 71 | | 0 | 0 | 0 | 0 |

Lập, ngày 08 tháng 08 năm 2022

Tổng giám đốc



Phụ trách kế toán

Nguyễn Thị Hương

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ EGO VIỆT NAM

Địa chỉ: Tiểu Khu 3, TT Lương Sơn, huyện Lương Sơn, tỉnh Hòa Bình

Báo cáo tài chính
Quý II năm tài chính 2022

Mẫu số: B03-DN

DN - BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ - PPTT - QUÝ II - 2022

Đơn vị tính: VNĐ

| Chỉ tiêu | Mã chỉ tiêu | Thuyết minh | Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này (Năm nay) | Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này (Năm trước) |
|---|-------------|-------------|--|--|
| I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh | | | | |
| 1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác | 01 | | 84.895.931.541 | 17.481.677.630 |
| 2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ | 02 | | (78.761.487.514) | (13.063.418.396) |
| 3. Tiền chi trả cho người lao động | 03 | | (7.151.255.000) | (3.587.475.000) |
| 4. Tiền lãi vay đã trả | 04 | | (58.336.787) | (94.850.787) |
| 5. Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp | 05 | | (98.340.011) | (428.692.761) |
| 6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh | 06 | | 2.216.697.144 | 2.037.880.405 |
| 7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh | 07 | | (81.692.474) | (2.712.657.740) |
| Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh | 20 | | 961.516.899 | (367.536.649) |
| II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư | | | | |
| 1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác | 21 | | - | 0 |
| 2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác | 22 | | - | 0 |
| 3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác | 23 | | - | 0 |
| 4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác | 24 | | - | 0 |
| 5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác | 25 | | - | 0 |
| 6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác | 26 | | - | 0 |
| 7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia | 27 | | 344.519.851 | 16.744 |
| Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư | 30 | | 344.519.851 | 16.744 |
| III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính | | | | |
| 1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu | 31 | | - | 0 |
| 2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp | 32 | | - | 0 |
| 3. Tiền thu từ đi vay | 33 | | - | 0 |
| 4. Tiền chi trả nợ gốc vay | 34 | | (220.000.000) | (450.000.000) |
| 5. Tiền chi trả nợ thuế tài chính | 35 | | - | 0 |
| 6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu | 36 | | - | 0 |
| 7. Tiền thu từ vốn góp của cổ đông không kiểm soát | 37 | | - | 0 |
| Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính | 40 | | (220.000.000) | (450.000.000) |
| Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20+30+40) | 50 | | 1.086.036.750 | (817.519.905) |
| Tiền và tương đương tiền đầu kỳ | 60 | | 377.086.777 | 1.708.675.829 |
| Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ | 61 | | - | 0 |
| Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50+60+61) | 70 | | 1.463.123.527 | 891.155.924 |

Phụ trách kế toán



Nguyễn Thị Hương

Lập, ngày 20 tháng 07 năm 2022

Tổng giám đốc



Hoàng Quốc Quân

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ EGO VIỆT NAM

Địa chỉ: Tiểu khu 3, thị trấn Lương Sơn, huyện Lương Sơn, tỉnh Hòa Bình

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ tài chính kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2022

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ tài chính kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2022

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần đầu tư Ego Việt Nam (sau đây gọi tắt là “Công ty”) là công ty cổ phần.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là sản xuất, kinh doanh thương mại.

3. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là: Sản xuất, chế biến, gia công các mặt hàng nông, lâm sản; sản xuất, chế biến, gia công nông lâm sản; xuất nhập khẩu các mặt hàng công ty kinh doanh.

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng

5. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính

Các số liệu tương ứng của năm trước so sánh được với số liệu của năm nay.

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do phần lớn các nghiệp vụ được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ EGO VIỆT NAM

Địa chỉ: Tiểu khu 3, thị trấn Lương Sơn, huyện Lương Sơn, tỉnh Hòa Bình

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ tài chính kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

2. Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được quy đổi theo tỷ giá tại ngày này.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Tỷ giá sử dụng để quy đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế đối với các giao dịch bằng ngoại tệ được xác định như sau:

- Đối với hợp đồng mua bán ngoại tệ (hợp đồng mua bán ngoại tệ giao ngay, hợp đồng kỳ hạn, hợp đồng tương lai, hợp đồng quyền chọn, hợp đồng hoán đổi): tỷ giá ký kết trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Công ty và ngân hàng.
- Đối với nợ phải thu: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh.

Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được xác định theo nguyên tắc sau:

- Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ.
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản khác: tỷ giá mua ngoại tệ của Ngân hàng TMCP Á Châu (Ngân hàng Công ty thường xuyên có giao dịch).

3. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

4. Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ EGO VIỆT NAM

Địa chỉ: Tiểu khu 3, thị trấn Lương Sơn, huyện Lương Sơn, tỉnh Hòa Bình

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ tài chính kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
 - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm.
 - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
 - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
 - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

Tăng, giảm số dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

5. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: bao gồm chi phí nguyên vật liệu chính, chi phí nhân công và các chi phí có liên quan trực tiếp khác.
- Thành phẩm: bao gồm chi phí nguyên vật liệu, nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung có liên quan trực tiếp được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường/chi phí quyền sử dụng đất, các chi phí trực tiếp và các chi phí chung có liên quan phát sinh trong quá trình đầu tư xây dựng bất động sản.

Giá xuất kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Tăng, giảm số dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

6. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Công ty chủ yếu là Chi phí Công cụ, dụng cụ. Các chi phí trả trước này được phân bổ thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 03 năm.

7. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ EGO VIỆT NAM

Địa chỉ: Tiểu khu 3, thị trấn Lương Sơn, huyện Lương Sơn, tỉnh Hòa Bình

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ tài chính kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

| <u>Loại tài sản cố định</u> | <u>Số năm</u> |
|-----------------------------|---------------|
| Nhà cửa, vật kiến trúc | 08 – 20 |
| Máy móc và thiết bị | 05 – 10 |

8. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên Bảng cân đối kế toán căn cứ theo kỳ hạn còn lại tại ngày kết thúc năm tài chính.

9. Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

10. Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

11. Ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu bán hàng hoá, thành phẩm

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa, sản phẩm cho người mua.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ EGO VIỆT NAM

Địa chỉ: Tiểu khu 3, thị trấn Lương Sơn, huyện Lương Sơn, tỉnh Hòa Bình

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ tài chính kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa, sản phẩm như người sở hữu hàng hóa, sản phẩm hoặc quyền kiểm soát hàng hóa, sản phẩm.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại sản phẩm, hàng hóa đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại hàng hóa, sản phẩm (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa, sản phẩm dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác).
- Công ty đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

12. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh.

13. Các khoản chi phí

Chi phí là những khoản làm giảm lợi ích kinh tế được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa.

Các khoản chi phí và khoản doanh thu do nó tạo ra phải được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp. Trong trường hợp nguyên tắc phù hợp xung đột với nguyên tắc thận trọng, chi phí được ghi nhận căn cứ vào bản chất và quy định của các chuẩn mực kế toán để đảm bảo phản ánh giao dịch một cách trung thực, hợp lý.

14. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích lập Báo cáo tài chính và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ EGO VIỆT NAM

Địa chỉ: Tiểu khu 3, thị trấn Lương Sơn, huyện Lương Sơn, tỉnh Hòa Bình

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ tài chính kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi trực tiếp vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi:

- Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp; và
- Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:
 - Đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
 - Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

15. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

16. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính của Công ty.

17. Công cụ tài chính

Tài sản tài chính

Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào bản chất và mục đích của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Các tài sản tài chính của Công ty gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác các khoản cho vay.

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, các tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến tài sản tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính

Việc phân loại các khoản nợ phải trả tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ phải trả tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Nợ phải trả tài chính của Công ty gồm các khoản phải trả người bán, vay và nợ, các khoản phải trả khác.

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được ghi nhận ban đầu theo giá gốc trừ các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến nợ phải trả tài chính đó.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ EGO VIỆT NAM

Địa chỉ: Tiểu khu 3, thị trấn Lương Sơn, huyện Lương Sơn, tỉnh Hòa Bình

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ tài chính kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Công cụ vốn chủ sở hữu

Công cụ vốn chủ sở hữu là hợp đồng chứng tỏ được những lợi ích còn lại về tài sản của Công ty sau khi trừ đi toàn bộ nghĩa vụ.

Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chỉ được bù trừ với nhau và trình bày giá trị thuần trên Bảng cân đối kế toán khi và chỉ khi Công ty:

- Có quyền hợp pháp để bù trừ giá trị đã được ghi nhận; và
- Có dự định thanh toán trên cơ sở thuần hoặc ghi nhận tài sản và thanh toán nợ phải trả cùng một thời điểm.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

| | <u>Số cuối quý 2-2022</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|---------------------------------|---------------------------|--------------------|
| Tiền mặt | 1.398.158.284 | 330.256.636 |
| Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn | 64.274.334 | 46.830.141 |
| Cộng | 1.462.432.618 | 377.086.777 |

1. Phải thu khách hàng ngắn hạn

| | <u>Số cuối quý 2-2022</u> | <u>Đầu năm</u> |
|--|---------------------------|-----------------------|
| - Công ty TNHH TM và dịch vụ nội thất Gia Huy | 7.030.413.575 | 18.670.413.575 |
| - Công ty TNHH tư vấn Dương Minh Tuệ | | |
| - Công ty TNHH đầu tư và thương mại EGO xanh Việt Nam | 19.168.004.000 | 34.803.014.200 |
| - Công ty cổ phần xuất nhập khẩu nông sản thực phẩm An Giang | 15.490.955.270 | |
| - Công Ty TNHH Thương Mại Và Dịch Vụ Phúc Thành Việt Nam | 0 | 8.922.510.000 |
| - Công Ty TNHH Đầu Tư Và Thương Mại Dịch Vụ An Đức | 0 | 2.444.900.000 |
| - Công Ty TNHH Đầu Tư Đăng Dương | 0 | 4.401.099.395 |
| - Chi nhánh Tổng công ty Thái Sơn tại Hà Nội | | |
| - Các khách hàng khác | 7.164.673.260 | 2.059.861.817 |
| Cộng | 85.483.729.111 | 36.498.784.787 |

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ EGO VIỆT NAM

Địa chỉ: Tiểu khu 3, thị trấn Lương Sơn, huyện Lương Sơn, tỉnh Hòa Bình

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ tài chính kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**2. Hàng tồn kho**

| | Cuối quý 2-2022 | | Đầu năm | |
|-------------------------|-----------------------|----------|-----------------------|----------|
| | Giá gốc | Dự phòng | Giá gốc | Dự phòng |
| - Nguyên liệu, vật liệu | 350.239.207 | - | 642.231.581 | - |
| - Công cụ dụng cụ | 0 | - | 513.371.600 | - |
| - Thành phẩm | 0 | - | 231.196.786 | - |
| - Hàng hóa | 13.909.619.300 | - | 19.349.637.612 | - |
| Cộng | 14.259.858.507 | - | 20.736.437.579 | - |

2. Chi phí trả trước dài hạn

Là chi phí công cụ, dụng cụ còn phải phân bổ.

3. Tài sản cố định hữu hình

| Khoản mục | Nhà cửa, vật kiến trúc | Máy móc, thiết bị | Tổng cộng |
|-------------------------------|------------------------|-------------------|----------------|
| NGUYÊN GIÁ | | | |
| Số dư đầu năm | 11.568.934.724 | 11.605.361.427 | 23.174.296.151 |
| Số dư cuối kỳ | 11.568.934.724 | 11.605.361.427 | 23.174.296.151 |
| GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ | | | |
| Số dư đầu năm | 6.496.247.900 | 9.351.479.073 | 15.847.726.973 |
| Khấu hao trong kỳ | 158.366.519 | 167.125.000 | 325.491.519 |
| Số dư cuối kỳ | 6.654.614.419 | 9.518.604.073 | 16.173.218.492 |
| GIÁ TRỊ CÒN LẠI | | | |
| Tại ngày đầu năm | 5.072.686.827 | 2.253.882.351 | 7.326.569.178 |
| Tại ngày cuối kỳ | 4.914.320.305 | 2.086.757.354 | 7.001.077.659 |

4. người bán ngắn hạn

| | Số cuối quý 2-2022 | Số đầu năm |
|--|-----------------------|-----------------------|
| Công ty TNHH GREEN BUY Việt | 3.285.596.000 | 3.422.000.000 |
| Công ty TNHH đầu tư TM và XNK Mặt Trời Vàng | 0 | 3.069.455.960 |
| Công ty TNHH đầu tư và thương mại dịch vụ Việt Đức | 17.992.521.400 | 0 |
| Công ty cổ phần GLOBAL FOOD Việt Nam | 13.521.964.500 | 0 |
| Công ty cổ phần Petec Bình Định | 34.061.912.279 | 0 |
| Công ty TNHH ĐT TM và KD DV Phúc Khang | 2.050.000.000 | 0 |
| Công ty TNHH TNHH đầu tư và xây dựng Duy Minh | 0 | 4.219.797.872 |
| Công ty TNHH kinh doanh thương mại Vượng Phát | 4.219.797.872 | 19.680.629.584 |
| Công ty TNHH TM và đầu tư xây dựng Thiên Kim | 3.018.629.584 | 1.664.280.718 |
| Các nhà cung cấp khác | 1.643.639.808 | |
| Cộng | 79.794.061.443 | 32.056.164.134 |

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ EGO VIỆT NAM

Địa chỉ: Tiểu khu 3, thị trấn Lương Sơn, huyện Lương Sơn, tỉnh Hòa Bình

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ tài chính kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

5. Vốn chủ sở hữu

Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

| | Vốn đầu tư của chủ sở hữu | Quỹ Đầu tư phát triển | Lợi nhuận chưa phân phối | Tổng cộng |
|------------------|---------------------------|-----------------------|--------------------------|----------------|
| NĂM TRƯỚC | | | | |
| Số dư đầu năm | 61.350.290.000 | 287.923.633 | 7.284.554.751 | 68.922.768.384 |
| Lãi trong năm | - | - | 500.384.913 | 500.384.913 |
| Số dư cuối năm | 61.350.290.000 | 287.923.633 | 7.784.939.664 | 69.423.153.297 |
| NĂM NAY | | | | |
| Số dư đầu năm | 61.350.290.000 | 287.923.633 | 7.784.939.664 | 69.423.153.297 |
| Lãi trong năm | - | - | 647.513.032 | 647.513.032 |
| Số dư cuối năm | 61.350.290.000 | 287.923.633 | 8.432.452.696 | 70.070.666.329 |

6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

6.1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

6.1.01. Tổng doanh thu

| | Quý 2-2022 | Quý 2-2021 |
|--------------------------|------------------------|----------------------|
| Doanh thu bán hàng hóa | 115.457.417.372 | 3.297.138.134 |
| Doanh thu bán thành phẩm | | |
| Cộng | 115.457.417.372 | 3.297.138.134 |

6.1.02. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan

Công ty không phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan.

6.2. Các khoản giảm trừ doanh thu

Là khoản giảm giá hàng bán.

6.3. Giá vốn hàng bán

| | Quý 2-2022 | Quý 2-2021 |
|-------------------------------|------------------------|----------------------|
| Giá vốn của hàng hóa đã bán | 114.505.455.461 | 6.747.311.648 |
| Giá vốn của thành phẩm đã bán | | |
| Cộng | 114.505.455.461 | 6.747.311.648 |

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ EGO VIỆT NAM

Địa chỉ: Tiểu khu 3, thị trấn Lương Sơn, huyện Lương Sơn, tỉnh Hòa Bình

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ tài chính kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

| | Quý 2-2022 | Quý 2-2021 |
|--|--------------------|--------------------|
| 6.4. Doanh thu hoạt động tài chính | | |
| Lãi cho vay | 169.805.071 | 10.469 |
| Lãi tiền gửi không kỳ hạn | 0 | 0 |
| Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ | | |
| Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh | | |
| Cộng | 169.805.071 | 10.469 |
| 6.5. Chi phí tài chính | | |
| Chi phí lãi vay | 27.298.420 | 44.695.905 |
| Chi phí tài chính khác | | |
| Cộng | 31.038.367 | 44.695.905 |
| 6.6. Chi phí quản lý doanh nghiệp | | |
| Cộng | 375.216.990 | 535.359.026 |
| 6.7. Thu nhập khác | | |
| Thanh lý công cụ dụng cụ | | |
| Thu nhập khác | | |
| Cộng | 0 | 0 |
| 6.8. Chi phí khác | | |
| Cộng | 0 | 0 |

6.8.01. Thông tin khác

Không có các giao dịch cổ phiếu phổ thông hoặc giao dịch cổ phiếu phổ thông tiềm năng nào xảy ra từ ngày kết thúc năm tài chính đến ngày công bố Báo cáo tài chính này.

Lập, ngày 08 tháng 08 năm 2022

Phụ trách kế toán

Nguyễn Thị Hương

